

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 237/2024/DS-PT
Ngày 07-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vương.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết;

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 143/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 218/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: số A, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: số A (lầu A), Nguyễn Thị N, khu đô thị V, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Đình T1, sinh năm 1992; địa chỉ: A, chung cư F, số A, đường P, tổ B, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/9/2022), có mặt.

- Bị đơn: Bà Nông Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: số E, đường E, khu trung tâm hành chính D, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn N1, sinh năm 1978; địa chỉ: số B, đường B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/02/2024), có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1978;

2. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: số C, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T2: Ông Lê Văn N1, sinh năm 1978; địa chỉ: số B, đường B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/3/2024), có mặt.

- Người kháng cáo: nguyên đơn bà Lê Thị T và bị đơn bà Nông Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Lê Thị T và người đại diện hợp của nguyên đơn bà T là ông Trịnh Đình T1 thống nhất trình bày:

Bà Lê Thị T và bà Nông Thị H có mối quan hệ quen biết. Ngày 31/12/2019, bà T có cho bà H vay số tiền 800.000.000 đồng, thông qua chuyển khoản vào tài khoản của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (viết tắt là B) số 65110007979799, chủ tài khoản là Nông Thị H. Mặc dù giữa các bên không ký kết hợp đồng vay tiền bằng văn bản nhưng các bên có thỏa thuận miệng với nhau thời gian vay là 01 năm, kể từ ngày 31/12/2019 đến 31/12/2020, với lãi suất là 12%/năm. Từ khi hết thời hạn vay đến nay, bà T liên tục yêu cầu bà H trả tiền nhưng bà H cứ hứa hẹn, cố tình trốn tránh không trả nợ cho bà T. Hành vi trên của bà H thực hiện không đúng thỏa thuận, không đúng quy định của pháp luật đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Vì vậy, bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nông Thị H thanh toán các khoản sau đây:

+ Tiền nợ gốc đã vay là 800.000.000 đồng.

+ Tiền lãi trong hạn 01 năm (kể từ ngày 31/12/2019 đến ngày 31/12/2020) với lãi suất 12%/năm là 96.000.000 đồng.

+ Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả kể từ ngày 01/01/2021 đến khi trả nợ với mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất trong hạn là 18%/năm (1,5%/tháng). Tính đến ngày 23/01/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 36 tháng 23 ngày quá hạn với số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 441.200.000 đồng.

+ Tiền lãi trên nợ lãi quá hạn chưa trả từ 01/01/2021 đến khi trả đủ tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng). Tính đến ngày 23/01/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 36 tháng 23 ngày quá hạn, với số tiền lãi trên nợ lãi quá hạn là 29.295.680 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 23/01/2024 mà bà Nông Thị H phải trả bà Lê Thị T là 1.366.495.680 đồng.

- Bị đơn bà Nông Thị H trình bày:

Bà H không quen biết và không có vay tiền của bà Lê Thị T. Nguồn gốc số tiền 800.000.000 đồng là do chị em bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn Q nhờ bà H cho số tài khoản ngân hàng để cho bà T chuyển tiền cho bà T2, ông Q vay. Sau khi có được số tiền trong tài khoản thì bà H đã giao lại toàn bộ số tiền 800.000.000 đồng cho bà T2, ông Q (có biên bản giao nhận tiền). Nay, trước yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T thì bà H không đồng ý bởi vì bà H không vay tiền bà T, bà H chỉ là người cho mượn số tài khoản ngân hàng để cho bà T2, ông Q vay tiền. Đồng thời, đối với số tiền lớn như vậy nếu bà T cho vay thì phải có giấy vay tiền, số tiền này là giữa bà T với bà T2, ông Q vay lẫn nhau thì tự thỏa thuận giải quyết với nhau, bà H không liên quan đến việc tranh chấp này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Bà T2 thống nhất ý kiến của bà Nông Thị H. Bà T2 cùng em ruột là ông Nguyễn Văn Q có vay của bà Lê Thị T số tiền 800.000.000 đồng và có nhờ bà H cho mượn số tài khoản ngân hàng để cho bà T chuyển vào tài khoản của bà H. Sau đó, bà H rút tiền đưa lại cho bà T2, ông Q. Hiện nay, bà T2 còn nợ bà T tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng, còn tiền lãi thì bà T2, ông Q đã trả cho bà T đến thời điểm dịch bệnh C - 19 thì không có khả năng trả được.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Nguồn gốc số tiền 800.000.00 đồng là do chị gái ông Q là bà Nguyễn Thị T2 cùng ông Q vay của bà Lê Thị T và có nhờ bà Nông Thị H cho mượn số tài khoản ngân hàng để cho bà T chuyển vào tài khoản của bà H. Sau đó, bà H rút số tiền này giao lại cho chị em bà T2, ông Q. Bà T khởi kiện đòi bà H số tiền 800.000.000 đồng thì ông Q xác nhận đây là số tiền chị em ông Q vay của bà T, số tiền này không liên quan đến bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T với bị đơn bà Nông Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nông Thị H có nghĩa vụ thanh toán bà Lê Thị T số tiền 825.896.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi 25.896.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/01/2024, bị đơn bà Nông Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 30/01/2024, nguyên đơn bà Lê Thị T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với phần tiền lãi không được chấp nhận.

Tại phiên tòa, người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Nguyên đơn bà Lê Thị T, bị đơn bà Nông Thị H cùng kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn là người kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị T và bị đơn bà Nông Thị H làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn bà Lê Thị T và bị đơn bà Nông Thị H thống nhất: Ngày 31/12/2019, bà T có chuyển khoản cho bà H 03 lần tiền với tổng số tiền là 800.000.000 đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Nguyên đơn bà Lê Thị T và bị đơn bà Nông Thị H không thống nhất: Nguyên đơn cho rằng số tiền trên là cho bà H vay; bị đơn cho rằng bị đơn không vay tiền của nguyên đơn, số tiền trên là do bà T2 và ông Q vay của bà T, bà T2 và ông Q mượn số tài khoản của bà H để nhận tiền từ bà T, sau khi nhận tiền cùng ngày 31/12/2019 bà H đã rút tiền giao cho bà T và ông Q theo “Giấy nhận tiền” ngày 31/12/2019.

[5] Xét, bị đơn cho rằng không vay tiền của nguyên đơn và số tiền trên bị đơn cho bà T2, ông Q mượn số tài khoản để vay tiền của bà T nhưng lời khai của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận. Bị đơn đưa ra chứng cứ là “Giấy nhận tiền” ngày 31/12/2019, tuy nhiên giấy nhận tiền này bà T không ký, nội dung chỉ là thỏa thuận giữa bà H với bà T2, ông Q; bà T2 và ông Q cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh có việc bà T2, ông Q vay của bà T số tiền

800.000.000 đồng cũng như việc các bên thỏa thuận việc cho vay sẽ chuyển khoản vào tài khoản của bà H. Quá trình tố tụng, bà T2 cung cấp tin nhắn zalo giữa bà T2 với bà T có nội dung “*ngày 15 của hè 800 trăm + quang 300*”; bản sao kê việc chuyển khoản để trả tiền lãi cùng bản photo Hợp đồng cho vay tiền ngày 24/10/2020 của bà T cho ông Q vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Qua xem xét các chứng cứ trên, tin nhắn Zalo không có nội dung xác nhận cụ thể số tiền vay và căn cứ vào tin nhắn này cũng không chứng minh được bà T2, ông Q là người vay; đối với việc chuyển khoản, nội dung chuyển khoản không có bất kỳ nội dung nào ghi cụ thể chuyển lãi cho khoản vay 800.000.000 đồng và hợp đồng vay tiền giữa bà T và ông Q không có nội dung nào liên quan đến số tiền 800.000.000 đồng bà T chuyển khoản cho bà H. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc bà H trả lại số tiền 800.000.000 đồng là có căn cứ.

[6] Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn cho rằng nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền trên với thời hạn 01 năm, lãi suất 12%/năm. Tuy nhiên, nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn với bị đơn là hợp đồng vay tiền không kỳ hạn và không có lãi là phù hợp.

Tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự quy định “*Đối với hợp đồng vay không thời hạn và không lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Theo quy định viện dẫn trên, thì bà T có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, bà T chứng minh bằng Thông báo về việc yêu cầu trả tiền nợ vay và tiền lãi ngày 23/9/2023. Bà H xác định ngày 25/9/2023, bà H nhận được thông báo trên. Theo nội dung thông báo, bà H phải trả số tiền 800.000.000 đồng trong thời hạn 02 ngày. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất chậm trả từ ngày 27/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/01/2024) với mức lãi suất 10%/năm với số tiền 25.896.000 đồng, là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy, kháng cáo của nguyên đơn về phần tiền lãi là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị T và bị đơn bà Nông Thị H là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; Điều 296, khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị T.
2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nông Thị H.
3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.
4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004412 ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương (do ông Trịnh Đình T1 nộp thay).

Bị đơn bà Nông Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004378 ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hoàng Vương